

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2018/HS-ST
Ngày: 28/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thế Dũng và bà Phạm Kim Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Bế Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 146/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2018/QĐXXST-HS ngày 16/11/2018 đối với bị cáo:

Triệu Thị T, sinh ngày 09/6/1997, tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Xóm 1, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; con ông Triệu Văn L và bà Trương Thị S; anh, chị, em ruột: Có 02, bị cáo là thứ hai; chồng là Phạm Tiến H và có 01 con, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

*** Bị hại:** Chị Trần Thị D, sinh năm 1997;

Nơi cư trú: Thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Phạm Tiến H, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Xóm 1, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1963;

Nơi cư trú: Tổ 7, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 23/9/2018, bị cáo Triệu Thị T, đến phòng trọ của chị Trần Thị D chơi. Ngồi chơi nói chuyện một lúc, chị D có việc đi ra ngoài, bị cáo T quan sát thấy có 01 ba lô sẫm màu không khóa, đặt trong 01 tủ gỗ không có cánh cửa, ngăn phụ của ba lô có 01 hộp nhựa nhỏ màu hồng cam. Bị cáo T lấy hộp mở ra thấy có 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng, kích thước dài 47cm, dây có các mắt kim loại nối với nhau, kích thước mắt kim loại rộng nhất 0,4cm, mặt trong các mắt kim loại có hình cánh hoa, hai đầu dây kim loại có đầu móc nối với nhau, khối lượng 02 chỉ. Bị cáo T nảy sinh ý định trộm cắp sợi dây chuyền, liền lấy cho vào túi xách của mình, đồng thời để sợi dây chuyền bạc (có nhiều mắt nhỏ nối với nhau, hai đầu dây không có móc nối) của mình vào trong chiếc hộp, cất vào vị trí cũ, mục đích để chị D không phát hiện mất dây chuyền vàng.

Ngày 26/9/2018, bị cáo T mang sợi dây chuyền vàng trên bán cho bà Hoàng Thị T, chủ cửa hàng vàng bạc K với số tiền 6.000.000đ. Tiền bán vàng, bị cáo T dùng 3.900.000đ để nộp tiền học phí cho con, chi tiêu cá nhân hết 2.000.000đ, số tiền còn lại 100.000đ bị cáo T đã giao nộp cho Cơ quan Điều tra.

Ngày 11/10/2018, bị cáo T nhờ chồng là Phạm Tiến H đến cửa hàng vàng bạc K, chuộc lại sợi dây chuyền trộm cắp của chị D, bán cho cửa hàng để giao nộp Cơ quan Điều tra.

Tại Bản Kết luận số 101 ngày 12/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Tuyên Quang, kết luận: Sợi dây chuyền vàng ta (vàng trang sức), khối lượng 02 chỉ, trị giá 7.100.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 146/CT-VKS-TP ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Triệu Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy của bị cáo Triệu Thị T về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Triệu Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Triệu Thị T từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo, xử lý vật chứng, buộc bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, không có tình tiết gì mới; bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Tuyên Quang; bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân

dân thành phố Tuyên Quang, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Về tài sản thu giữ của bị cáo, bị cáo đề nghị trả lại số tiền 100.000 đồng, sợi dây chuyền kim loại màu bạc không có giá trị sử dụng đề nghị tiêu hủy.

Bị hại nhất trí với luận tội của đại diện viện kiểm sát, không có ý kiến tham gia tranh luận, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Triệu Thị T tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh qua biên bản xác minh hiện trường; kết luận định giá tài sản; lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ ngày 23/9/2018, tại phòng trọ của chị Trần Thị D, bị cáo Triệu Thị T đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 sợi dây chuyền vàng ta, khối lượng 02 chỉ, trị giá 7.100.000đ (Bảy triệu một trăm nghìn đồng) của chị Trần Thị D.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi lén lút, bí mật trốn tránh sự phát hiện của người quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi của bị cáo được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý trực tiếp, mục đích vụ lợi. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; tác động và cùng gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền ở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn thành phố Tuyên Quang. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, giá trị tài sản bị cáo trộm cắp, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà xử phạt mức án trên mức khởi điểm của khung hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo, giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có căn cứ.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, nghề nghiệp và thu nhập chỉ đảm bảo cuộc sống, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tài sản bị cáo trộm cắp của chị Trần Thị D. Ngày 11/10/2018, bị cáo T nhờ chồng là Phạm Tiến H đến cửa hàng vàng bạc K, chuộc lại sợi dây chuyền về trả lại cho bị hại. Tại phiên tòa bị hại D và anh H không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[8] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 sợi dây chuyền kim loại màu bạc và số tiền 100.000 đồng. Sợi dây chuyền kim loại màu bạc không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy, số tiền 100.000 đồng là tiền bị cáo bán tài sản trộm cắp còn lại, nhưng bị cáo đã bồi thường cho bị hại nên trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[9] Đối với bà Hoàng Thị T đã mua sợi dây chuyền vàng do bị cáo T bán, nhưng không biết là tài sản do phạm tội mà có, nên không đề cập xử lý.

[10] Bị cáo Triệu Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ vào:* Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Triệu Thị T** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt: Bị cáo **Triệu Thị T** 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Triệu Thị T cho UBND xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

- *Về vật chứng:* Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ 01 (Một) sợi dây chuyền kim loại màu bạc gồm nhiều mắt nhỏ nối với nhau, hai đầu dây không có móc nối với nhau. Được niêm phong trong 01 (Một) phong bì có chữ ký của Trần Thị D; trả lại cho bị cáo Triệu Thị T số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang ngày 26/11/2018.

Số tiền trả lại cho bị cáo, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang đã chuyển vào tài khoản số 3949 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tại Phòng giao dịch – KBNN Tuyên Quang, theo giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước 22/10/2018.

- *Về án phí:* Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Triệu Thị T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- VKS ND tỉnh Tuyên Quang;
- VKS ND thành phố Tuyên Quang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Công an thành phố Tuyên Quang;
- Chi cục THADS thành phố;
- Sở Tư pháp Tuyên Quang;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

Hoàng Mạnh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thế Dũng

Phạm Kim Tuyết

Hoàng Mạnh Tuấn